|  |  |
| --- | --- |
| **PHÒNG GD&ĐT GIA LÂM**  **TRƯỜNG THCS KIM LAN**  **(***Đề kiểm tra có 3 trang)* | **ĐỀ THI THỬ**  **MÔN HÓA HỌC 9**  *Thời gian làm bài: 60phút* |

**Đề số 2**

**Lựa chọn đáp án đúng trong các câu hỏi dưới đây và ghi vào bài làm.**

**Câu 1.** Chất nào là oxit trung tính trong số các chất sau:

1. MgO. **B.** CO2. **C.** CO. **D.** NO2

**Câu 2.** Công thức hóa học của natri đihiđrophotphoric là:

1. Na3PO4. **B.** NaH2PO4. **C.** Na2HPO4. **D.** NaHPO4.

**Câu 3.** Axit nào sau đây thuộc nhóm axit yếu :

1. H2CO3. **B.** HCl. **C.** H2SO4. **D.** HNO3.

**Câu 4.** Trong thực tế kim loại nào sau đây được dùng để làm dây dẫn điện trong nhà:

**A.** Bạc. **B.** Đồng. **C.** Sắt. **D.** Kẽm.

**Câu 5.** Hàm lượng cacbon có trong gang là

**A.** 5 – 7%. **B.** > 5%. **C.** < 2%. **D.** 2 - 5%.

**Câu 6.** Dãy các kim loại nào sau đây được sắp xếp đúng theo chiều hoạt động hóa học giảm dần?

**A.** K, Mg, Al, Zn, Fe, Cu. **B.** Fe, Cu, K, Al, Zn.

**C.** Cu, Fe, Zn, Al, Mg, K. **D.** Zn, K, Mg, Cu, Al, Fe.

**Câu 7.** Ở điều kiện thường, trạng thái mà màu sắc của clo là:

**A.** lỏng và vàng. **B.** rắn và nâu.

**C.** Khí và vàng lục. **D.** Lỏng và vàng lục.

**Câu 8.** Đá khô là tên gọi khác (ở trạng thái rắn) của chất nào sau đây:

**A.** H2O. **B.** SO2. **C.** CaO. **D.** CO2.

**Câu 9.** Silic tinh khiết được dùng để:

1. Sản xuất linh kiện điện tử, pin mặt trời. **C.** Sản xuất đồ gốm, xi măng, thủy tinh.
2. Sản xuất pin mặt trời, luyện kim. **D.** Sản xuất thủy tinh và linh kiện điện tử.

**Câu 10.** Chất nào sau đây là dẫn xuất của hidrocacbon:

1. CH5N. **B.** H2CO3. **C.** C2H6. **D.** NaHCO3..

**Câu 11.** Phát biểu nào sau đây ***không đúng***:

1. Trong phân tử hợp chất hữu cơ, các nguyên tử liên kết với nhau theo đúng hóa trị.
2. Trong phân tử hợp chất hữu cơ, các nguyên tử liên kết với nhau theo một trật tự xác định.
3. Mạch cacbon là mạch được hình thành khi các nguyên tử cacbon liên kết trực tiếp với nhau.
4. Trong phân tử hợp chất hữu cơ, nguyên tử cacbon có hóa trị II và IV.

**Câu 12.** Chất nào sau đây biểu diễn đúng công thức của benzen:

**A.**  **B.**  **C.**  **D.** 

**Câu 13.** Yếu tố làm phân tử axit axetic có tính axit là:

1. Trong phân tử có nhóm – C = O và nhóm – OH.
2. Trong phân tử có nhóm – OH.
3. Trong phân tử có nhóm – C = O liên kết với nhóm – OH tạo thành nhóm – COOH.
4. Trong phân tử có 2 nguyên tử O.

**Câu 14.** Trong tự nhiên, đường glucozơ có nhiều trong:

**A.** Hoa quả chín. **B.** Mật ong.

**C.** Cây mía, củ cải đường, thốt nốt,... **D.** Lúa, ngô, khoai, sắn.

**Câu 15.** Chất nào sau đây ***không*** dùng để điều chế rượu etylic:

**A.** Glucozơ. **B.** Tinh bột. **C.** Protein. **D.** Saccarozơ.

**Câu 16 .** Chất nào sau đây làm quì tím ẩm hóa đỏ:

**A.** S. **B.** SO2. **C.** CO. **D.** Al2O3.

**Câu 17.** Cặp chất nào sau đây khi tác dụng với nhau sinh ra chất khí:

**A.** CaCO3 và HCl. **B.** FeO và HCl. **C.** H2O và Na2O. **D.** CO2 và Ca(OH)2.

**Câu 18.** Để nhận biết dung dịch mất nhãn gồm NaCl, Na2SO4, HCl ta có thể dùng thuốc thử nào sau đây:

**A.** Quì tím và dung dịch BaCl2. **B.** Quì tím và nước.

**C.** Dung dịch BaCl2 và AgNO3. **D.** Quì tím.

**Câu 19.** Dùng kim loại nào sau đây để làm sạch dung dịch đồng nitrat có lẫn tạp chất bạc nitrat?

**A.** Mg **B.** Au **C.** Fe **D.** Cu

**Câu 20.** Kim loại nào sau đây không phản ứng với dung dịch H2SO4 đặc nguội và HNO3 đặc nguội?

**A.** Fe, Cu. **B.** Al, Fe. **C.** Cu, Ag. **D.** Mg, Fe.

**Câu 21.** Nhằm xác định vị trí của những kim loại X, Y, Z, T trong dãy hoạt động hóa học, người ta thực hiện phản ứng của kim loại với dung dịch muối của kim loại khác, thu được những kết quả sau:

* Thí nghiệm 1: Kim loại X đẩy kim loại Z ra khỏi muối.
* Thí nghiệm 2: Kim loại Y đẩy kim loại Z ra khỏi muối.
* Thí nghiệm 3: Kim loại X đẩy kim loại Y ra khỏi muối.
* Thí nghiệm 1: Kim loại Z đẩy kim loại T ra khỏi muối.

Hãy xác định thứ tự sắp xếp nào sau đây là đúng (theo chiều hoạt động hóa học tăng dần)

**A.** X, Y, Z, T. **B.** X, Z, Y, T. **C.** Z, T, Y, X. **D.** T, Z, Y, X.

**Câu 22.** Trong 1 chu kỳ (trừ chu kì 1), đi từ trái sang phải tính chất của các nguyên tố biến đổi như sau:

**A.** Tính kim loại và tính phi kim đều giảm dần.

**B.** Tính kim loại và tính phi kim đều tăng dần.

**C.** Tính kim loại giảm đồng thời tính phi kim tăng dần.

**D.** Tính kim loại tăng dần đồng thời tính phi kim giảm dần.

**Câu 23.** Nguyên tố A có số hiệu nguyên tử là 11, chu kỳ 3, nhóm I trong bảng tuần hoàn các nguyên tố hóa học. Phát biểu nào sau đây đúng :

**A.** Điện tích hạt nhân 11+, kim loại yếu. **B.** Điện tích hạt nhân 11, kim loại mạnh.

**C.** Điện tích hạt nhân 11+, kim loại mạnh. **D.** Điện tích hạt nhân 11, kim loại yếu.

**Câu 24.** Trộn 100ml dung dịch HCl 1M với 200ml dung dịch NaOH 1M. Thả mẩu giấy quì tím vào dung dịch sau phản ứng, hiện tượng quan sát được là:

**A.** Quì tím hóa xanh. **B.** Quì tím không đổi màu.

**C.** Quì tím hóa đỏ. **D.** Quì tím mất màu.

**Câu 25.** Cặp chất nào sau đây đều có thể tham gia phản ứng cộng.

**A.** CH4 và C6H6 **B.** C2H2 và C2H5OH

**C.** C2H2 và CH4 **D.** C2H4 và C6H6

**Câu 26.** Để sử dụng nhiên liệu có hiệu quả và tránh nhiễm người ta có thể dùng phương nào sau:

**A.** Luôn để nhiên liệu cháy ở mức cao nhất.

**B.** Tăng diện tích tiếp xúc của nhiên liệu với không khí.

**C.** Hạn chế cung cấp oxi hoặc không khí khi nhiên liệu đang cháy.

**D.** Giảm nhiệt độ khi nhiên liệu đang cháy.

**Câu 27.** Tính chất nào sau đâu **không phải** của etilen:

**A.** Tham gia phản ứng thế. **B.** Tham gia phản ứng cộng.

**C.** Tham gia phản ứng cháy. **D.** Tham gia phản ứng trùng hợp.

**Câu 28.** Cặp chất nào sau đây có công thức phân tử giống nhau:

**A.** Tinh bột và glucozơ.**B.** Glucozơ và saccarozơ.

**C.** Tinh bột và xenlulozơ. **D.** Protein và polime.

**Câu 29.** Chất nào sau đây sau khi thủy phân có thể tham gia phản ứng tráng bạc:

**A.** Glucozơ. **B.** Polime. **C.** Fructozơ. **D.** Saccarozơ.

**Câu 30.** Khối lượng Ag thu được khi oxi hóa 18 gam glucozơ bằng dung dịch AgNO3 trong NH3 là

**A.** 10,8 gam. **B.** 21,6 gam. **C.** 32,4 gam. **D.** 43,2 gam.

**Câu 31.** Hòa tan 23,5 gam K2Ovào nước. Sau đó dùng 250ml dung dịch HCl để trung hòa dung dịch trên. Tính nồng độ mol HCl cần dùng.

**A.** 1,5M **B.** 2,0 M **C.** 2,5 M **D.** 3,0 M.

**Câu 32.** Có ba lọ đựng hóa chất:Cu(OH)2, BaCl2, và KHCO3. Để nhận biết ba lọ trên, cần dùng hóa chất nào?

1. NaCl. **B.** NaOH. **C.** CaCl2. **D.** H2SO4.

**Câu 33.** Nhúng một lá nhôm vào dung dịch CuSO4. Sau một thời gian, lấy lá nhôm ra khỏi dung dịch thì thấy khối lượng dung dịch giảm 1,38 gam. Khối lượng của Al đã phản ứng là:

**A.** 0,27 gam **B.** 0,81 gam **C.** 0,54 gam **D.** 1,08 gam

**Câu 34.** Cho benzen tác dụng với brom, có xúc tác bột sắt và đun nóng, tạo ra 1,57 gam brombenzen. Có biết hiệu suất của phản ứng đạt 80%. Khối lượng của benzen đã dùng là:

**A.** 0,925 gam. **B.** 0,975 gam. **C.** 0,935 gam. **D.** 0,915 gam.

**Câu 35.** Đốt cháy hết x gam C2H5OH thu được 0,25 mol CO2. Đốt cháy hết y gam CH3COOH thu được 0,25 mol CO2. Cho x gam C2H5OH tác dụng với y gam CH3COOH (giả sử hiệu suất phản ứng là 100%). Khối lượng este thu được là

**A.** 9 gam. **B.** 10 gam. **C.** 11 gam. **D.** 12 gam.

**Câu 36.** Để trung hòa 10ml dung dịch CH3COOH cần 15,2 ml dung dịch NaOH 0,2M. Vậy nồng độ của dung dịch CH3COOH là:

**A.** 0,05 M. **B.** 0,10 M. **C.** 0,304 M. **D.** 0,215 M.

**Câu 37.** Hòa tan 2,84 gam hỗn hợp gồm CaCO3 và MgCO3 cần 30 ml H2SO4 1M. Vậy thành phần % về khối lượng của CaCO3 và MgCO3 trong hỗn hợp ban đầu lần lượt là:

**A.** 70,42% và 29,58% . **B.** 71% và 29%.

**C.** 72,5% và 27,5%. **D.** 75% 25% .

**Câu 38.** Điều chế Cl2 theo PTHH sau: MnO2 + 4HCl → MnCl2 + Cl2 + 2H2O

Nếu dùng 13,05 gam MnO2 thì thể tích khí Cl2 thu được (đktc) là 3.024 lít. Hiệu suất của phản ứng trên là:

**A.** 80% **B.** 90% **C.** 95% **D.** 100%

**Câu 39.** Sục khí CO2 vào dung dịch nước vôi trong thu được kết tủa X. Sục tiếp CO2 vào cho đến dư thấy kết tủa tan dần, thu được dung dịch Y trong suốt. Chất X, Y là

**A.** CaCO3; Ca(OH)2. **B.** CaCO3; Ca(HCO3)2.

**C.** CaO; Ca(HCO3)2. **D.** Ca(HCO3)2; Ca(OH)2.

**Câu 40.** Đốt cháy hoàn toàn 7,4 gam hợp chất hữu cơ A. Sản phẩm cháy thu được lần lượt dẫn qua bình 1 đựng axit H2SO4 đặc, bình 2 đựng nước vôi trong dư. Sau phản ứng thấy khối lượng của bình 1 tăng 5,4 gam, bình 2 tăng 13,2 gam. Công thức phân tử của hợp chất A là:

**A.** C2H4O2. **B.** C2H6O. **C.** C6H6. **D.** C3H6O2

***Cho biết nguyên tử khối của các nguyên tố:***

***H = 1; C = 12; N = 14; O = 16; Na = 23; Mg = 24; Al = 27; Si = 28; S = 32; Cl = 35,5;***

***K = 39; Ca = 40; Fe = 56; Cu = 64; Br = 80; Ag = 108; Ba = 137.***